

NHỮNG ĐẶC TRƯNG NHÂN CHỨNG TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM

MẠC ĐƯỜNG

Các nhà nhân chủng học cho rằng thời cổ, nhân loại chỉ có ba nhóm nhân chủng lớn (đại chủng) và được gọi là : nhóm Mônggôlôit da vàng phân bố ở lục địa châu Á và châu Mỹ, nhóm Australôit da đen phân bố ở lục địa châu Úc và châu Phi, nhóm Europoit da trắng được phân bố ở lục địa châu Âu.

Vào thời gian nói trên, toàn bộ châu Á là nơi sinh tụ nhóm nhân chủng Mônggôlôit. Dựa vào những kết quả khảo sát và nghiên cứu các bộ xương người, hộp sọ người được khai quật trong các tầng văn hoá khảo cổ và so sánh với những đặc trưng nhân chủng của người cổ với người hiện đại, các nhà nhân chủng học đã hình thành những tiêu chuẩn để thực hiện việc phân loại nhân chủng các dân tộc trên thế giới.

Lãnh thổ Việt Nam vào thời tối cổ là một trong những nơi sinh tụ và giao lưu, hỗn chủng giữa những nhóm nhân chủng Mônggôlôit da vàng có địa bàn xuất hiện ở châu Úc, vùng hải đảo Đông Nam Á hiện nay và châu Phi. Nhóm nhân chủng Mongoloid có hộp sọ dài trung bình, tâm vóc vừa phải, gò má cao, cánh mũi hẹp tương ứng với những đặc trưng nổi bật và dễ nhận thấy ở người Mông Cổ hiện đại. Các nhà khoa học đã dựa vào những đặc trưng này để qui ước về tiêu chí xác định nhân chủng của loại hình nhân chủng được gọi tên là Mônggôlôit. Nhóm nhân chủng này có địa bàn phân bố ở nhiều nơi trên bán đảo Đông Dương và những đặc trưng nhân chủng của nhóm này biểu hiện rõ nét hơn ở các dân tộc phía Bắc Việt Nam, các quốc gia miền bắc bán đảo Đông Dương, miền nam Trung Quốc và xa hơn nữa. Nhóm nhân chủng thứ hai có tâm vóc thấp, hộp sọ tròn và ngắn, gò má thấp, hốc mũi hơi rộng tương ứng với người bán địa da đen châu úc, tóc dợn sóng, môi dày, mắt có mí và được gọi là nhóm nhân chủng Australoid. Nhóm nhân chủng này có địa bàn sinh tụ chủ yếu là các hải đảo ngày nay, các vùng cư trú của người cổ ở miền nam bán đảo Đông Dương hiện giờ.

Cách đây khoảng gần một vạn năm, những nhóm nhân chủng đầu tiên này đã di cư theo hai chiều (về thời tối cổ, lục địa châu Úc, Đông Nam Á và bán đảo Đông Dương là một lục địa gắn liền với nhau và chưa bị ngăn cách bởi đại dương như ngày nay). Nhóm nhân chủng Mongoloid từ phía bắc chuyển cư xuống phía nam và nhóm Australoid du thực từ phía nam đi ngược lên phía bắc. Quá trình tiếp xúc của hai nhóm nhân chủng này đã diễn ra và tạo nên với sự ưu thế của đặc trưng nhóm này hoặc nhóm kia. Trên bán đảo Đông Dương và ở Việt Nam, các nhóm hỗn chủng nói trên đã được gọi theo nhiều tên khác nhau. Các nhà khoa học người Pháp trước năm 1950 (Fromaget, Saurin, Colani, Ge net-Varcin, J.Cuisinier, Haudricourt. Condominas...) thường gọi những nhóm hỗn hợp nhân chủng nói trên bằng các tên Indonésiens, Mélanisien, Vedda, Australo - Negroid (người châu Úc da đen). Vào những năm 60 của thế kỷ này, các nhà khoa học Việt Nam đã có nhiều cuộc thảo luận và đã tạm thống nhất dùng thuật ngữ Mongoloid phương Nam để gọi chung cho nhóm nhân chủng về thời tối

cổ cách đây hàng vạn năm mà ngày nay vẫn còn thấy được những đặc trưng nhân chủng ấy ở các dân tộc hiện nay đang sống tại Việt Nam. Các nhà khoa học Việt Nam còn xác định mức độ khác nhau và những đặc trưng không giống nhau của hai loại hình Mongoloid phương Nam. Loại hình Mongoloid phương Nam biểu hiện ưu thế rõ nét về màu da vàng, tóc thẳng, hốc mũi hẹp, gò má cao hoặc hơi cao, môi mỏng, không có mí mắt (épicanthus) hoặc mí mắt biểu hiện không rõ nét thường thấy ở các dân tộc miền núi từ miền Bắc Trường Sơn trở ra và trong tất cả các nhóm cư dân nói tiếng Việt - Mường, Tày-Thái và Hmông-Đao. Nhóm nhân chủng này được gọi là nhóm nhân chủng Nam Á. Ngược lại loại hình Mongoloid phương Nam biểu hiện ưu thế rõ nét về màu da đen hoặc ngăm đen, tóc rợn sóng, hốc mũi hơi rộng, gò má tương đối thấp, môi dày và hơi dày, mí mắt có nếp rõ nét thường thấy ở các dân tộc Nam Trường Sơn, nhất là ở người Xơ-đăng, người Gia-rai, các dân tộc Tây Nguyên, Khơ-me Nam Bộ và được gọi là nhóm nhân chủng Indonesiens.

Các dân tộc ở Việt Nam hiện nay đều là thành phần nhân chủng Mongoloid phương Nam thuộc hai loại hình cơ bản : loại hình Nam Á được biểu hiện ưu thế ở những đặc trưng nhân chủng của các dân tộc phía Bắc và loại hình Indonésines được biểu hiện ưu thế ở các dân tộc Tây Nguyên, người Khơ-me Nam bộ và các dân tộc nói tiếng Môn-Khơme khác ở Việt Nam.

Trên địa bàn của nước Việt Nam hiện nay đã diễn ra một quá trình hỗn chủng giữa hai nhóm nhân chủng Mongoloid phương Nam và nhóm nhân chủng Australoid da đen.

Quá trình hỗn chủng ấy đã tạo nên hai loại hình nhân chủng trung gian là Nam Á và Indonesiens. Đó là lớp nhân chủng của các tộc người cổ Việt Mường (Proto Việt Mường), cổ Hán - Thái (Proto Hán - Thái), cổ Môn-Khơme (Proto Mon Khơme), cổ Mã - Lai (Proto Malais) là tổ tiên trực tiếp của 54 thành phần dân tộc Việt Nam hiện nay.

I. LOẠI HÌNH NHÂN CHỨNG NAM Á

Trước hết, cần xác định rằng, thuật ngữ Nam Á dùng cho việc phân loại nhân chủng không phù hợp hoàn toàn với thuật ngữ Nam Á và Nam Đảo dùng trong phân loại ngôn ngữ học. Việc phân loại nhân chủng học dựa vào các di cốt người tìm trong thực địa hoặc trong các di chỉ khai quật khảo cổ học để so sánh tương ứng với đặc trưng nhân chủng (sọ người, xương cốt, đặc trưng tóc, mũi, môi, gò má ...) của con người hiện đại mà ngôn ngữ học không nghiên cứu đến. Loại hình nhân chủng Nam Á là đặc trưng cho nhiều dân tộc đang sống ở Việt Nam và miền nam sông Dương Tử (Trung Quốc) từ thời kỳ đồng sắt, cách nay khoảng hơn 3.000 năm cho đến tận ngày nay. Chắc chắn là, các tộc người cổ trong nhóm Bách Việt cư trú ở miền nam sông Dương Tử, ở Bắc Bộ và miền Bắc Trung Bộ Việt Nam vào thời đó là thuộc loại hình nhân chủng Nam Á. Người Lạc Việt là một trong những thành phần tộc người của cộng đồng người Bách Việt cư trú trên đất Giao Chỉ (tức Bắc bộ và Bắc Trung bộ của Việt Nam hiện nay) từ thời đại kim khí. Các thư tịch cổ như sách Thủy Kinh chú và Giao Châu ký đều nói về người Lạc Việt ở Giao Chỉ có tục cắt tóc, xăm mình để chống giao long, hai ngón chân cái giao nhau, dùng trống đồng để đánh trong ngày hội... Như mọi người đã rõ, người Lạc Việt là tổ tiên của các dân tộc nói tiếng Việt - Mường, trong đó người Việt (Kinh) là hậu duệ trực tiếp của người Lạc Việt có số dân đông nhất ở Việt Nam hiện nay.

Về đặc trưng nhân chủng của người Việt, vào những năm 40 của thế kỷ này, nhà dân tộc học Nguyễn Văn Huyền đã đề cập đến trong một công trình về văn minh của người Việt⁽¹⁾. Theo Nguyễn Văn Huyền, người Việt có hộp sọ tròn thuộc loại đầu ngắn (Nguyễn Văn Huyền căn cứ số liệu điều tra của Đỗ Xuân Hợp đã công bố, theo đó, người Việt có tỷ lệ 54,36% số đầu ngắn trong 500 số người mà Đỗ Xuân Hợp đã đo đạc được tại Bắc bộ.

Những đặc trưng nhân chủng của loại hình Nam Á⁽²⁾.

Đặc trưng	Mường	Việt	Hmông	Dao	Tày	Thái	Nùng	Hoa	Chăm
Chiều cao (m)	1,58	1,58	1,54	1,58	1,59	1,6	1,60	1,64	1,61
Chỉ số đầu (cm)	80	81,3	80,4	78,5	79,7	80,9	78,7	84,6	83,1
Độ dày môi (mm)	20,5	20,7	20,1	20,3	20,5	20,2	19,4	20,1	21,5
Bề rộng mũi (mm)	36,9	37,5	35,1	36,6	36,3	37,2	35,6	36,8	37,5

Giữa hai nhóm nhân chủng Nam Á và Indonésiens còn có một nhóm nhân chủng hỗn hợp giữa hai đặc trưng nhân chủng này được hình thành ở vùng đồng bằng ven biển nam Trung Hoa : loại hình nhân chủng Nam đảo (còn gọi là Mélanisiens). Như trên đã nói, cả ba loại hình Nam Á, Indonésiens và Nam đảo đều thuộc nhóm nhân chủng Mongoloid phương Nam. Loại hình nhân chủng Nam đảo là tổ tiên của những tộc người cổ Mã-Lai và những nhóm cổ Mã-Lai đã sinh ra nhóm nhóm tộc người Mã-Lai - đa đảo hiện nay, trong đó người Chăm là một dân tộc Mã Lai- đa đảo có nhiều đặc trưng hội tụ của loại hình nhân chủng Nam đảo. Người Chăm có chỉ số hộp sọ tương ứng với tất cả các dân tộc khác ở Việt Nam, gần gũi với chỉ số hộp sọ người Việt, chiều cao trung bình, gò má hơi cao, mũi héch so với người Việt và các dân tộc thuộc loại hình nhân chủng Nam Á. Nhưng mặt khác, ở người Chăm tỷ lệ người có tóc dợn sóng và quăn hơi nhiều, da đậm hơn người Việt, hố mắt sâu, tỷ lệ chiều cao trung bình thấp... gần giống hơn với các dân tộc Tây Nguyên đậm nét của đặc trưng Australoid.

II. LOẠI HÌNH NHÂN CHỨNG INDONESIENS

Loại hình nhân chủng Indonésien thuộc nhóm Mongoloid phương Nam là đặc trưng nhân chủng cho lớp tổ tiên các dân tộc thuộc ngữ hệ Môn-Khorme ở miền nam bán đảo Đông Dương ngày nay, tiêu biểu nhất là các dân tộc Tây Nguyên, trong đó người Xê-đăng và người Ba-na là rất tiêu biểu cho những đặc trưng này. Đặc trưng chung của người Indonésien là có tâm vóc nhỏ bé hơn nhóm nhân chủng Nam Á, hộp sọ hơi tròn và ngắn, gò má thấp, hốc mũi rộng, tóc rợn sóng, da ngăm đen, bàn chân lớn, xương cánh tay lớn, mí mắt không có dấu ấn của épicanthus (tức mắt không có mí), cổ hơi ngắn và lớn. Vào khoảng đầu Công nguyên, sự di dân của những tộc người từ Đông Âu sang mà thành phần nhân chủng của những tộc người ấy thuộc nhóm nhân chủng Vedda của nhóm nhân chủng Ấn - Âu ở Ấn Độ. Nét đặc trưng nhất của loại hình Indonésien này là hiện tượng nếp mí mắt phồng lên rất rõ, chân mày nằm ngang và dày, sống mũi hơi cao, hốc mũi rộng, môi khá dày, nhất là môi trên. Xương chân to và khoẻ, xương tay dài hơn tỷ lệ bình thường, bàn chân khá lớn... Đó là những nét đặc trưng của loại hình nhân chủng Vedda thuộc chủng tộc Ấn - Âu được thể hiện trong loại hình nhân chủng ở Tây Nguyên mà tiêu biểu nhất là ở đặc trưng nhân chủng của người Xê-đăng. Số người Xê-đăng có tóc xoăn nhiều hơn các dân tộc khác ở Tây Nguyên,

cằm người Xê-đăng hơi bạnh ra và xương quai hàm hơi to. Cũng là loại hình Indonésien như người Xê-đăng nhưng người Ba-na có những đặc trưng riêng về nhân chủng. Người Ba-na phân đông có tóc thẳng và dài, không xoăn và ít có hiện tượng dợn sóng. Chân mày người Ba-na hơi dài và vòng cung theo mắt, mí mắt không mọng như người Xê-đăng, sống mũi của người Bana không cao như người Xê-đăng, bàn chân nhỏ và xương ống chân không vạm vỡ như người Xê-đăng. Những đặc trưng nhân chủng nói trên chứng tỏ rằng, ở người Ba-na yếu tố Vedda của người Ấn - Âu là rất ít so với người Xê-đăng. Do vậy, loại hình nhân chủng Indonésiens của thời kỳ hậu kỳ đá mới không đồng nhất với loại hình Indonésiens vào giai đoạn cuối của thời kỳ đồng sắt cách đây khoảng vài ngàn năm khi chưa xuất hiện loại hình nhân chủng Vedda từ miền Đông Ấn Độ di cư sang. Qua những thời gian dài của sự phát triển, do quá trình tiếp xúc và hỗn chủng trên địa bàn miền nam Đông Dương và Việt Nam hiện nay, loại hình Indonésiens có nhiều sự pha trộn và biến hoá về mặt nhân chủng. G.Oliver và nhà nhân học Việt Nam Nguyễn Đình Khoa đã có nhiều dẫn liệu đo đạc nhân học ở người Khơ-me Nam Bộ và các dân tộc dọc Trường Sơn, Tây Nguyên (3). Hai ông đã đi đến nhận định rằng, các dân tộc ít người ở Tây Nguyên và dọc Trường Sơn ngày nay còn giữ được khá đầy đủ những đặc trưng của người Indonésiens cổ xưa mà những di cốt đã tìm thấy được trong các di chỉ khảo cổ học cách đây hơn vài nghìn năm. Song, sự biến dạng của loại hình Indonésiens đã bị Nam Á hoá trong người Khơ-me ở Nam bộ. Nguyễn Đình Khoa đã cung cấp những dẫn liệu đo đạc được ở người Khơ-me tại đồng bằng sông Cửu Long so với dẫn liệu người Khơ-me Campuchia do Olivier sưu tập và thấy rằng, người Khơ-me ở Nam Bộ có tâm vóc cao hơn người Khơ-me Campuchia, chỉ số của hộp sọ thuộc về dạng đầu dài còn người Campuchia thuộc dạng đầu hơi tròn; hốc mũi của người Khơ-me Nam bộ hẹp hơn người Khơ-me Campuchia, gò má người Khơ-me Nam Bộ cao và chiều ngang của mặt rộng hơn người Campuchia. Những dẫn liệu nói trên chứng tỏ, người Khơ-me Nam Bộ đã có quá trình Nam Á hoá về mặt nhân chủng (4). Trường hợp biến dạng đặc biệt còn thấy ở các dân tộc thuộc ngôn ngữ Mã Lai - đa đảo mà đặc trưng nhất là ở người Chăm, người Ê-đê và người Gia-rai. Các dân tộc thuộc ngôn ngữ Mã Lai - đa đảo ở Việt Nam và Đông Nam Á có ngôn ngữ hoàn toàn khác biệt với người Khơ-me và các dân tộc dọc Trường Sơn - Tây Nguyên mà đa số các dân tộc này thuộc ngôn ngữ Môn-Khơ-me.

Tuy vậy, về thành phần nhân chủng, những dân tộc nói tiếng Mã lai - đa đảo hiện nay cũng thuộc thành phần nhân chủng Indonésiens như các dân tộc nói tiếng Môn-Khơ-me, trong đó có trường hợp người Khơ-me Nam Bộ và người Khơ-me Campuchia. Các dân tộc nói trên đều đã có sự biến dạng nhân chủng do quá trình Nam Á hoá đã diễn ra. Người Chăm đã bị Nam Á hoá ngay từ lúc sinh tụ ở địa bàn cổ xưa nhất của họ và quá trình ấy đã diễn ra đối với tất cả các dân tộc ở Trường Sơn và Tây Nguyên như người Bru (ở Quảng Bình), Vân Kiều (ở Quảng Trị), Pacoh (tây Thừa Thiên), Giẻ-Triêng (tây Quảng Nam) Ba-na, Ê-đê, Gia-rai ... (ở Tây Nguyên), Mạ, Kơ-ho (ở cao nguyên Langbiang và miền núi Lâm Đồng), người Stiêng (ở Sông Bé)... Đặc biệt, ở người Hoa tại Vĩnh Châu (Sóc Trăng), Nguyễn Đình Khoa đã thực hiện đo đạc nhân chủng học và thấy rằng, người Hoa ở đây có tâm vóc khá cao so với các dân tộc khác, gò má cao, hộp sọ dài, không có mí mắt hoặc mí mắt rất nhỏ là phổ biến... Những dẫn liệu trên chứng minh cho sự tồn tại yếu tố Mongoloid rõ nét của loại hình

nhân chủng Nam Á. Đặc trưng biến dạng về nhân chủng cũng nhận thấy được ở trường hợp người Ê-đê và người Gia-rai. Đây là một trường hợp khá điển hình về mối quan hệ giữa nhân chủng, ngôn ngữ và nguồn gốc lịch sử tộc người. Ai cũng biết rằng, người Ê-đê và người Gia-rai là hai dân tộc có nguồn gốc lịch sử chung và có một tiếng nói gần như là một thuộc cùng một ngữ hệ Mã Lai - đa đảo. Song về đặc trưng nhân chủng lại có nhiều đặc trưng khác nhau giữa hai nhóm dân tộc này. Những dẫn liệu đo đạc của Nguyễn Đình Khoa phải ghi nhận được về người Gia-rai có tầm vóc thấp hơn người Ê-đê, kích thước hộp sọ lớn hơn người Ê-đê, gò má hơi cao hơn người Ê-đê và chiều rộng của mặt có số đo lớn hơn, tần xuất tóc dựng sóng ít hơn người Ê-đê, mí mắt ít rõ nét, mũi rộng theo chỉ số 81,4 - 82,4, môi ít dày hơn người Ê-đê, cằm vạt và dải tai hơi nhọn hơn người Ê-đê.

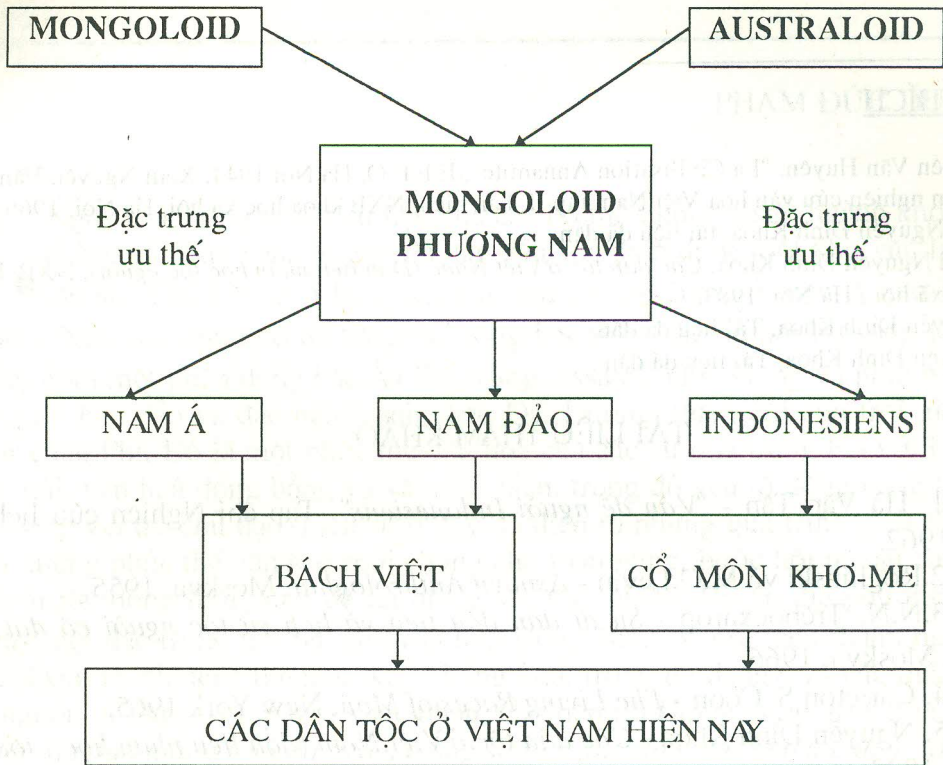
Những đặc trưng nhân chủng của loại hình Indonesiens (⁵).

Đặc trưng	Ba-na	Xơ-đăng	Mnông	Giẻ	Stiêng	Khơ-me
Chiều cao(m)	1,57	1,54	1,58	1,54	1,56	1,62
Chỉ số đầu(cm)	76,6	76,4	77,1	78,1	70,1	83,5
Độ dày môi(mm)	20,2	19,3	20,2	21,2	20,5	20,8
Bề rộng mũi(mm)	53	51,6	51,6	53,2	53,1	

Mối quan hệ về nhân chủng giữa người Chăm với người Ê-đê và người Gia-rai là một trường hợp khá lý thú và phức tạp về mặt khoa học. Như chúng ta đã biết là người Chăm, người Ê-đê và người Gia-rai đều có tiếng nói rất gần nhau và thậm chí có nhiều nhà khoa học còn cho rằng các dân tộc nói trên là chung một nguồn gốc, về mặt nhân chủng, sự đồng nhất này hầu như không được biểu hiện một cách rõ rệt như trong mối quan hệ của ngôn ngữ. Theo sự đo đạc nhân chủng học của Nguyễn Đình Khoa thì chỉ số đầu sọ của người Chăm khác hẳn với người Ê-đê và Gia-rai. Bề dọc và bề ngang của hộp sọ của người Chăm lớn hơn người Ê-đê và Gia-rai. Kích thước hộp sọ người Chăm rất gần với kích thước hộp sọ người Khơ-me Nam bộ và người Hoa ở vùng Vĩnh Châu (Sóc Trăng). Nguyễn Đình Khoa có nhận xét, người Chăm, người Hoa và người Khơ-me Nam Bộ có chỉ số đầu tròn nhiều hơn tất cả các dân tộc ở nước ta mà Nguyễn Đình Khoa đo đạc được. Do đó, chúng ta biết được yếu tố Mongoloid của loại hình nhân chủng Nam Á được biểu hiện ở người Chăm, người Hoa và người Khơ-me Nam bộ là khá mạnh mẽ, mặc dù người Chăm có quan hệ ngôn ngữ chung với các dân tộc nói tiếng Mã Lai - đa đảo, người Khơ-me Nam Bộ có chung tiếng nói với người Khơ-me Campuchia và các dân tộc Môn-Khơ-me trên bán đảo Đông Dương, còn người Hoa thì có chung tiếng nói với những dân tộc có nguồn gốc Hán trong hệ ngôn ngữ Hán-Tạng. Sở dĩ có những khác biệt khá phức tạp như trên là do qua trình tiếp xúc và hỗn chủng thông qua những cuộc hôn phối giữa hai dân tộc hoặc giữa các nhóm dân tộc cùng chung sống với nhau trên một địa bàn trong nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau.

Tóm lại, quá trình tiếp xúc và hỗn chủng đã diễn ra hàng chục nghìn năm trên vùng đất giao lưu thường xuyên ở bán đảo Đông Dương, trong đó có Việt Nam và có thể sơ đồ hoá trong mối quan hệ nhân chủng sau đây :

Quá trình hình thành nhóm nhân chủng và loại hình nhân chủng :



Trên đất nước Việt Nam hiện nay về thời tối cổ cách ngày nay khoảng trên một vạn năm, là nơi giao tiếp những nhóm nhân chủng tổ tiên của loài người hiện đại. Những nhóm người cổ có đặc trưng tương ứng với người Mông Cổ hiện đại được gọi là nhóm người nhân chủng Mongoloid và nhóm người cổ ở những đặc trưng tương ứng với người cư dân bản địa châu Úc da đen được gọi là nhóm nhân chủng Australoid theo qui ước phân loại nhân học của khoa nhân học hình thể (physical Anthropology). Sự giao tiếp và hỗn chủng nói trên đã tạo nên một nhóm nhân chủng trung gian kết hợp được cả hai đặc trưng nhân chủng Mongoloid và Australoid - đó là nhóm nhân chủng Mongoloid phương Nam xuất hiện trên một địa bàn rộng từ miền nam Trung Quốc, bán đảo Đông Dương và các vùng hải đảo Đông Nam Á ngày nay. Do quá trình giao tiếp, hỗn chủng và điều kiện địa lý ở những địa bàn sinh sống khác nhau đã ảnh hưởng đến cấu tạo cơ thể người, màu da, mí mắt, hốc mũi, chỉ số đầu sọ ... và hình thành những biến dạng khác nhau của nhóm nhân chủng Mongoloid phương Nam. Đó là các loại hình nhân chủng Nam Á, Nam Đảo (trước đây còn gọi là Mélanisiens) và Indonésiens được hình thành cách ngày nay từ 5.000 năm đến gần 1 vạn năm. Tiếp theo quá trình này là sự hình thành những nhóm nhân chủng - tộc người (Ethnoanthropologic group) tức là những nhóm nhân chủng có những yếu tố văn hoá và ngôn ngữ riêng cho một cộng đồng người thống nhất. Từ những cộng đồng nhân chủng - tộc người nói trên, vào khoảng trên 2.000 năm cách ngày nay, nhiều dân tộc (ethnos) đã xuất hiện với những

quan hệ ngôn ngữ chung, những đặc trưng văn hoá gắn gũi nhau và có chung một nguồn gốc lịch sử - tộc người. Các dân tộc hiện nay ở bán đảo Đông Dương và Việt Nam là lớp con cháu của những cộng đồng - tộc người bản địa cổ đại đã hình thành trong lịch sử.

CHÚ THÍCH

(¹). Nguyễn Văn Huyền. "La Civilisation Annamite", E.F.E.O, Hà Nội 1944. Xem Nguyễn Văn Huyền. Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam, tập II, bản dịch, NXB khoa học xã hội, Hà Nội, 1966, tr. 55-56.

(²). Xem Nguyễn Đình Khoa, tài liệu đã dẫn

(³). Xem Nguyễn Đình Khoa. *Các dân tộc ở Việt Nam. (Dẫn liệu nhân học tộc người)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.

(⁴). Nguyễn Đình Khoa, Tài liệu đã dẫn.

(⁵). Nguyễn Đình Khoa, Tài liệu đã dẫn..

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Văn Tấn - "Vấn đề người Indonesiens". Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Hà Nội, 6-1962.
2. Roghinski và M.G. Levin - *Asnovu Anthrologhia*, Moskva, 1955.
3. N.N. Trëbocxarop - *Sự di dân đầu tiên và lịch sử tộc người cổ đại ở Đông Nam Á*, Moskva, 1966.
4. Carleton S. Coon - *The Living Races of Man*, New York 1965.
5. Nguyễn Đình Khoa - *Các dân tộc ở Việt Nam (dẫn liệu nhân học - tộc người)*, Hà Nội, 1983.
6. P.I. Boriskovsky - *Pervobytnoe proshloe Vietnam*, Moskva, 1966.
7. Heine - Geldem - *Prehistorie research in the Netherlands East - Indies*. New York 1945..
8. M.G. Levin, N.N. Trebocxarop - *Drephnie rasselenhie trelovesiva vo Vastotlmoi i ungho, Vastornoi Arii*. Tie, t, XVI. Moskva 1951.
9. G. Olivier - *Sur la classification anthropologique des indonesiens d'Indochine*, Luxembourg, 1953.
10. Viện Khảo cổ học - *Văn hoá Đông Sơn Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội 1994.
11. Nguyễn Văn Huyền - *La civilisation annamite, Colloction de la Direction de la Direction de L'Instruction Publique de L'Indochine*, E.F.E.O, Hanoi 1994. tr. 23 - tr. 33.